

Thủ tục đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư ở Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 50 Nguyễn Thị Phương Hồng ; Nghd. : TS. Vũ Quang

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời đại hiện nay, toàn cầu hoá đang diễn ra ngày càng sâu sắc mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Các quan hệ kinh tế quốc tế trở nên sôi động hơn bao giờ hết và có tác động to lớn đến sự phát triển của các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế phát triển ngày càng mạnh, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế giữa các nước ngày càng mở rộng.

Do vậy, việc ban hành một khung pháp lý chung và thống nhất, minh bạch, ổn định về vấn đề đăng ký và thẩm tra cho các nhà đầu tư là đáp ứng đòi hỏi khách quan trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và yêu cầu hội nhập, nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư của mọi thành phần kinh tế.

Ngày 29 tháng 11 năm 2005, Quốc hội khoá 11 tại kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật đầu tư, đây là thông điệp quan trọng của Việt Nam trong việc cam kết phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường, xoá bỏ những biệt lệ giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước, tạo sân chơi bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp, hạn chế tư duy phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, đồng thời cũng quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư Việt Nam (Nghị định số 78 ban hành ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính Phủ, qui định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài) đã mở ra những cơ hội mới cho các nhà đầu tư Việt Nam, cải thiện phân nào môi trường đầu tư, phù hợp với những cam kết của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Để đáp ứng nhu cầu về việc tìm hiểu những qui định về Thủ tục đầu tư trong Luật đầu tư 2005, góp phần đưa những qui định của Luật đầu tư vào cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nắm bắt được qui trình đầu tư cụ thể và rõ ràng hơn. Vì vậy, trong phạm vi đề tài này, em sẽ tập trung phân tích và làm rõ vấn đề: “ **Thủ tục Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư ở Việt Nam**”.

Qua đó, hy vọng giúp chúng ta có được cách nhìn nhận và đánh giá khách quan về việc Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư ở Việt Nam, cũng như có giải pháp nâng cao hiệu lực hiệu quả thực hiện pháp luật về Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế.

2. Mục đích của đề tài

1- Làm rõ những qui định của Luật đầu tư Việt Nam liên quan đến vấn đề Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư.

2 - Đánh giá thực trạng của việc Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư.

3 - Đưa ra một số kiến nghị, nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện Luật đầu tư liên quan đến thủ tục Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu:

Các qui định của Luật đầu tư 2005 của Việt Nam.

2. Phạm vi nghiên cứu:

Những qui định liên quan đến thủ tục Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài do phải chịu sự điều chỉnh của nước tiếp nhận đầu tư, nên trong Luận văn này Tôi chỉ giới thiệu khái quát chứ không đi sâu vào nghiên cứu.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: phân tích, so sánh, tổng hợp, cũng được sử dụng ở mức độ phù hợp để hoàn thành luận văn này.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết cấu và danh mục tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1. Lý luận chung về thủ tục Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư

Chương 2 . Thực trạng của việc Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư ở Việt Nam trong giai

đoạn hiện nay

Chương 3 . Giải pháp thực hiện việc Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư.

6. Kết quả đạt được của Luận văn

Ở bình diện lý luận, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về pháp luật đầu tư nói chung và thủ tục đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng.

Về thực tiễn, luận văn sẽ là tài liệu có giá trị, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu đối với các chủ đầu tư và đối với các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư, đồng thời làm tài liệu tham khảo đối với các cơ sở đào tạo liên quan đến lĩnh vực đầu tư. Những đề xuất của luận văn sẽ cung cấp luận cứ khoa học, làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thủ tục đăng ký và thẩm tra các dự án đầu tư nói riêng và Luật đầu tư 2005 nói chung.

Đề hoàn thành luận văn này, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo của trường Đại học Quốc gia Hà Nội, đã giảng dạy và cung cấp nhiều thông tin bổ ích cho chúng em, đặc biệt là tiến sỹ Vũ Quang, người đã hướng dẫn em hoàn thành luận văn này.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ THẨM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Đầu tư và pháp luật về đầu tư

1.1.1. Những nhận thức cơ bản về đầu tư

1.1.1.1. Khái niệm về đầu tư

Cho đến nay, đầu tư không phải là một khái niệm mới đối với nhiều người, nhất là đối với những người hoạt động trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Tuy nhiên, thuật ngữ này được hiểu rất khác nhau. Có người cho rằng: đầu tư là phải bỏ một cái gì đó vào một việc nhất định để thu lại một lợi ích trong tương lai. Nhưng cũng có người quan niệm đầu tư là các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận.

Theo cách hiểu phổ thông, thì khái niệm đầu tư được hiểu là việc: “ bỏ nhân lực, vật lực, tài lực vào công việc gì, trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế xã hội”[36]

Ở Việt Nam, trước khi ban hành Luật đầu tư 2005, khái niệm đầu tư kinh doanh chưa được định nghĩa thống nhất trong các văn bản pháp luật. Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 05 năm 1998 và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ban hành năm 1996 và 2000 không có định nghĩa về đầu tư nói chung mà thay vào đó là khái niệm đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Luật đầu tư 2005 với phạm vi điều chỉnh là hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh đã đưa ra định nghĩa: “*Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư.*” Khoản 1 điều 3 Luật đầu tư 2005.

1.1.1.2. Phân loại đầu tư

- Căn cứ vào mục đích đầu tư có thể chia đầu tư thành: đầu tư phi lợi nhuận và đầu tư kinh doanh.
- Căn cứ vào nguồn vốn đầu tư gồm có: đầu tư trong nước và đầu tư ngoài nước.

1.1.1.3. Các hình thức đầu tư

Các hình thức đầu tư trực tiếp:

- + Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư
- + Thành lập góp vốn vào tổ chức kinh tế có sự liên kết giữa nhiều nhà đầu tư
- + Đầu tư thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh(hợp doanh)
- + Đầu tư thông qua hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao(BOT)
- + Đầu tư theo hợp đồng xây dựng - chuyển giao – kinh doanh(BTO)
- + Đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao(BT)
- + Đầu tư thông qua hình thức phát triển kinh doanh
- + Đầu tư thông qua việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp

Các hình thức đầu tư gián tiếp:

- + Đầu tư thông qua mua chứng khoán (cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác)
- + Đầu tư thông qua quỹ đầu tư chứng khoán.
- + Đầu tư thông qua ngân hàng doanh nghiệp bảo hiểm...

1.1.2. Pháp luật về đầu tư

1.1.2.1. Khái niệm pháp luật về đầu tư

Luật đầu tư là hệ thống các qui phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh.

1.1.2.2. Sơ lược về lịch sử phát triển của Luật đầu tư Việt Nam.

- Giai đoạn 1945 đến 1975.

Mặc dù tình hình chính trị lúc này hết sức khó khăn, nhưng để đảm bảo phát triển nền kinh tế, nhà nước đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau.

- Giai đoạn 1975 đến 1986.

Thời kỳ nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, với hai thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Do sự chi phối của kế hoạch nhà nước, pháp luật về đầu tư không phải là phương tiện quan trọng nhất để điều chỉnh nền kinh tế nói chung và điều chỉnh hoạt động đầu tư nói riêng. Về mặt pháp lý, trong thời kỳ này, hoạt động đầu tư của kinh tế tư nhân không được thừa nhận.

- Giai đoạn 1986 đến nay.

Đối với pháp luật về đầu tư trong nước:

Luật đầu tư 2005 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 điều chỉnh cả hoạt động đầu tư trong nước và hoạt động đầu tư nước ngoài. Luật đầu tư chung 2005 gồm có 10 chương và 89 điều qui định về đảm bảo đầu tư, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, hình thức hoạt động đầu tư và các lĩnh vực địa bàn đầu tư, ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư. Trong đó, Chương

VI, qui định về Thủ tục đăng ký và thẩm tra đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước và dự án đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính trong quản lý đầu tư theo hướng mở rộng phân cấp và đơn giản hoá thủ tục, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận tiện cho nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả và thống nhất trong quản lý Nhà nước về hoạt động đầu tư.

Ngoài việc ban hành Luật đầu tư chung 2005, Nhà nước còn ban hành các văn bản pháp luật liên quan đó là: Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 qui định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo qui định của Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư; Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ban hành ngày 9/8/2006 qui định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài..

1.1.2.3. Những nội dung cơ bản của pháp luật đầu tư

Luật đầu tư qui định những vấn đề pháp lý cho các hoạt động chuẩn bị, thực hiện và quản lý dự án đầu tư. Với chức năng cơ bản là đảm bảo an toàn pháp lý cho hoạt động đầu tư vốn vào kinh doanh, luật đầu tư có nội dung chủ yếu là các qui định về những vấn đề sau:

- Hình thức đầu tư;
- Lĩnh vực và địa bàn đầu tư;
- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư;
- Quy trình, thủ tục và triển khai dự án đầu tư;
- Bảo đảm, khuyến khích và ưu đãi đầu tư;
- Quản lý nhà nước về đầu tư..

1.2. Khái niệm về Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư

1.2.1 Đăng ký đầu tư

1.2.1.1. Khái niệm về đăng ký đầu tư

Theo Đại từ điển tiếng việt của Nhà xuất bản văn hoá thông tin, trang 601 thì thuật ngữ đăng ký được hiểu là việc: *“Đứng gia khai báo để được cấp giấy công nhận về quyền hạn nghĩa vụ nào đó”*.

Xét về bản chất của Đăng ký dự án đầu tư là việc cơ quan Nhà nước xác nhận hoặc chứng nhận nội dung dự án đầu tư dựa trên thông tin do nhà đầu tư cung cấp. Do đó, có thể hiểu khái niệm của đăng ký đầu tư: *“ là sự ghi nhận của cơ quan nhà nước về quản lý đầu tư công nhận về mặt pháp lý quyền hạn hoặc nghĩa vụ nào đó của chủ đầu tư”*.

1.2.1.2. Vai trò, ý nghĩa của việc đăng ký đầu tư

Vai trò định hướng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường..

Vai trò kiểm soát của nhà nước.

Nhìn chung việc Đăng ký dự án đầu tư là để đảm bảo sự quản lý của Nhà nước đối với các dự án đầu tư cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung, tránh sự lãng phí thất thoát và kém hiệu quả trong đầu tư,

lựa chọn được những dự án có tính khả thi cao, mang lại hiệu quả cao dưới góc độ tài chính kinh tế xã hội.

Đồng thời, thông qua đó Nhà nước thừa nhận tính hợp pháp của hoạt động đầu tư, từ đó có cơ sở pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhà đầu tư.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, công nghiệp hoá hiện đại hoá phát triển ngày càng mạnh, các công trình dự án xây dựng ở khắp nơi, cùng với các dự án đầu tư có qui mô vốn lớn của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.... Do đó, việc Đăng ký dự án đầu tư có ý nghĩa hết sức to lớn, giúp chúng ta nắm bắt được tình hình phát triển của nền kinh tế thông qua các dự án đăng ký đầu tư của các chủ đầu tư, từ đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đầu tư nói riêng và lĩnh vực phát triển kinh tế nói chung sẽ đưa ra được các chiến lược phát triển kinh tế - đầu tư và các chính sách phù hợp đối với từng ngành nghề của lĩnh vực đầu tư góp phần đưa đất nước phát triển kinh tế ngày càng vững chắc trong xu hướng hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay.

1.2.1.3. Phân loại đăng ký đầu tư

Hiện nay có nhiều cách để phân loại đăng ký đầu tư, đăng ký theo thủ tục hành chính, đăng ký theo thủ tục tư pháp, đăng ký theo xuất xứ nguồn vốn...

Việc đăng ký đầu tư theo thủ tục hành chính hay thủ tục tư pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng của nó, thông qua việc xem xét dưới ba khía cạnh đó là hiệu quả kinh tế, thời gian đăng ký dự án đầu tư và tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình tiến hành đăng ký.

1.2.2. Thẩm tra đầu tư

1.2.2.1. Khái niệm thẩm tra và thẩm định dự án đầu tư

Theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt: “*Thẩm định là việc xem xét để xác định về chất lượng*” còn “*Thẩm tra là việc điều tra, tìm hiểu để xem xét lại điều đã kết luận hoặc khai báo trước đó có chính xác hay không*”.

Theo giáo trình kinh tế của trường Đại học kinh tế quốc dân thì khái niệm thẩm định dự án đầu tư được hiểu là: “*việc tổ chức xem xét đánh giá một cách khách quan khoa học và toàn diện các nội dung cơ bản có ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng thực hiện và hiệu quả của dự án để từ đó ra quyết định đầu tư, cho phép đầu tư, hoặc tài trợ vốn cho dự án*”

Trước khi ban hành luật đầu tư chung thì trong hệ thống các văn bản pháp luật về đầu tư không dùng thuật ngữ “*Thẩm tra*” mà dùng thuật ngữ “*Thẩm định*” nhưng từ khi ban hành Luật đầu tư chung 2005 thì trong các văn bản pháp lý liên quan đến đầu tư thì thuật ngữ “*Thẩm tra*” thay cho thuật ngữ “*Thẩm định*” trước đây.

Khái niệm thẩm tra dự án đầu tư có thể hiểu là: “*việc điều tra tìm hiểu, để xem xét lại điều đã kết luận trước đó là đúng hay sai, kiểm tra đánh giá*

việc thực hiện dự án đầu tư, trên cơ sở đó cơ quan nhà nước quản lý về đầu tư sẽ ra quyết định đầu tư, hay cho phép đầu tư hoặc tài trợ vốn”.

1.2.2.2. Vai trò, ý nghĩa của việc Thẩm tra dự án đầu tư

- Đối với cơ quan nhà nước
- Đối với các định chế tài chính
- Đối với chủ đầu tư
- Ý nghĩa của công tác thẩm tra là lựa chọn được những dự án đầu tư có tính khả thi cao (có khả năng thực hiện, đem lại hiệu quả và hiệu quả chắc chắn); loại bỏ được các dự án không khả thi, nhưng không bỏ lỡ mất các cơ hội đầu tư có lợi.

1.3. Qui định về thủ tục đầu tư của một số quốc gia

1.3.1. Luật đầu tư của Singapore

Singapore là một quốc gia hầu như không có tài nguyên thiên nhiên, thêm vào đó là ngành nông nghiệp của đất nước này rất kém phát triển. Nhưng bù lại ngành kinh tế dịch vụ của Singapore lại rất phát triển. Vì vậy mà Singapore phải nhập khẩu hoàn toàn gạo và các loại thực phẩm và lương thực. Bên cạnh đó, công nghiệp chế biến hàng hoá theo hướng phục vụ cho xuất khẩu lại phát triển rất mạnh. Singapore là thị trường buôn bán trung gian khá sôi động. Ở đây nhiều hàng hoá xuất khẩu của một số nước được nhập vào, sau đó lại được tái xuất sang các nước khác. Nước sở tại sẽ nhập hàng hoá với giá thấp hơn giá thị trường thế giới từ 10 – 20% và sau đó sẽ bán hàng hoá này với giá bình quân của hàng hoá cùng loại trên thị trường thế giới. Trong bối cảnh không có tài nguyên để phát triển, những ngành công nghiệp cần nguồn nguyên liệu lớn, Singapore đã chủ trương phát triển một nền kinh tế thị trường hùng mạnh. Trong đó nhà nước đảm nhiệm chức năng đầu tào cơ sở hạ tầng, cung cấp các dịch vụ thiết yếu, tạo ra môi trường kinh doanh an toàn, ổn định và đầy tính hấp dẫn với các nhà đầu tư trong nước cũng như các nhà đầu tư nước ngoài. Môi trường pháp lý và thủ tục hành chính ở Singapore được đánh giá rất cao, điểm đặc biệt chính là chính sách thu hút đầu tư nước ngoài được Singapo chú trọng đặc biệt thể hiện ở việc Nhà nước này đã ban hành một loạt các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài. Singapore là nước đầu tiên áp dụng chung một chính sách đầu tư trong nước và nước ngoài các quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài được điều chỉnh trong cùng một luật kinh doanh với các quan hệ đầu tư trong nước. Các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào vào Singapore sẽ được đối xử như những nhà đầu tư trong nước. Điều này tạo ra mặt bằng bình đẳng cho các nhà đầu tư tuy nhiên quốc gia này vẫn có một số hạn chế với quan hệ đầu tư nước ngoài ví dụ như một số hạn chế về ngành nghề đầu tư. Các nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành đầu tư vào Singapore sẽ quyết định thành lập loại hình cơ sở kinh doanh nào để thực hiện dự án đầu tư. Dưới sự điều chỉnh của Luật đăng ký kinh doanh Singapore, các chủ đầu tư tiến hành đăng ký kinh doanh cho cơ sở của

mình. Sau khi đăng ký kinh doanh, mỗi loại kinh doanh sẽ chịu sự điều chỉnh của một luật thích hợp, ví dụ như, nếu cơ sở kinh doanh đó là công ty hợp doanh thì sẽ do Luật Hợp danh điều chỉnh; nếu cơ sở kinh doanh đó là công ty thì sẽ do Luật công ty Singapore điều chỉnh. Như vậy tất cả các nhà đầu tư khi đầu tư đều phải thông qua thủ tục đăng ký kinh doanh.

Cơ quan quản lý đầu tư của Singapore là Ủy ban phát triển kinh tế, có chức năng giải quyết tất cả những vấn đề liên quan đến đầu tư. Cơ quan này có thẩm quyền đánh giá đơn xin ưu đãi đầu tư, cung cấp các thông tin cho nhà đầu tư... là cơ quan đầu mối liên hệ của các nhà đầu tư nước ngoài với chính quyền nước sở tại. Có thể nói Singapore là một trong những nước đầu tiên trong khu vực thực hiện quản lý đầu tư nước ngoài bằng một cơ quan duy nhất hoạt động với nguyên tắc “một cửa”, điều này tạo ra sự đơn giản gọn nhẹ trong quá trình quản lý đầu tư, đồng thời cũng giúp cho nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng giải quyết mọi vấn đề liên quan đến đầu tư một cách nhanh chóng thuận tiện. Như vậy thay vì quản lý đầu tư bằng các cơ quan khác nhau ở các địa phương khác nhau trên lãnh thổ, Singapore đã tập trung sự quản lý vào Ủy ban phát triển kinh tế. Ủy ban này với chức năng đa dạng của nó được chia thành những bộ phận nhỏ với từng nhiệm vụ cụ thể riêng biệt. Từng bộ phận có chuyên gia quản lý về một mặt riêng trong số những vấn đề liên quan đến đầu tư. Tuy nhiên Ủy ban này không có chức năng cấp đăng ký kinh doanh vì Singapore áp dụng một Luật đăng ký kinh doanh chung cho tất cả các cơ sở đăng ký kinh doanh không phân biệt vốn trong nước hay nước ngoài. Vì vậy các nhà đầu tư vẫn phải tiến hành đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh chung. Sau khi được cấp đăng ký kinh doanh, các vấn đề liên quan sẽ được giải quyết tại Ủy ban phát triển kinh tế.

1.3.2. Quy định về đầu tư của Trung quốc

Khác với Việt Nam, Trung quốc đã không ban hành đạo luật chung qui định về đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung quốc mà có sự điều chỉnh riêng biệt đối với hoạt động đầu tư nước ngoài. Khung pháp luật cho đầu tư nước ngoài gồm: Hiến pháp, các Luật, các văn bản hướng dẫn luật, các Bộ có thẩm quyền như Bộ xây dựng, Bộ thương mại và các chính sách về đầu tư nước ngoài của cả chính quyền trung ương và địa phương.

Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài vào Trung quốc được qui định trong các văn bản khác nhau và do nhiều cơ quan có thẩm quyền xem xét và thẩm định hồ sơ.

Nhìn chung, để đầu tư vào Trung quốc theo hình thức thành lập liên doanh góp vốn, liên doanh theo hợp đồng hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài hoặc các bên liên doanh phải gửi các tài liệu như: Điều lệ doanh nghiệp, đơn xin cấp giấy phép đầu tư, hợp đồng liên doanh đến Bộ ngoại thương và hợp tác kinh tế hoặc các cơ quan Trung

ương hoặc cơ quan chính quyền cấp tỉnh được quốc vụ viện uỷ quyền để các cơ quan này xem xét có cấp giấy phép đầu tư hoặc không .

Theo pháp luật hiện hành của Trung quốc, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung quốc bao gồm:[13] t

- Uỷ ban kế hoạch phát triển Nhà nước, Uỷ ban thương mại và kinh tế Nhà nước, Bộ ngoại thương và hợp tác kinh tế có trách nhiệm xem xét và cấp giấy phép đầu tư cho các dự án có tổng vốn nước ngoài dưới 30 triệu USD trở lên hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và các dự án khác đòi hỏi phải được cơ quan thuộc Quốc vụ viện cấp giấy phép đầu tư;

- Cơ quan chính quyền cấp tỉnh, khu tự trị, các thành phố tự trị cấp giấy phép cho các dự án có tổng vốn nước ngoài dưới 30 triệu USD và không nằm trong khu vực bị hạn chế đầu tư. Đối với các dự án có tổng vốn đầu tư nước ngoài dưới 30 triệu USD thuộc lĩnh vực bị hạn chế phải nộp hồ sơ lên văn phòng Quốc hội. Các dự án liên quan đến cấp hạn ngạch thì phải nộp hồ sơ đến Bộ ngoại thương và hợp tác kinh tế. sau khi nhận được giấy phép đầu tư, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được giấy phép đầu tư nhà đầu tư nước ngoài phải tiến hành đăng ký kinh doanh tại Cục quản lý công thương Nhà nước.

1.3.3. Quy định về thủ tục đầu tư của Lào

Thủ tục xin đầu tư trong nước là việc nhà đầu tư có mục đích đầu tư trong ngành kinh tế qui định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật khuyến khích đầu tư trong nước phải làm đơn theo mẫu in của Uỷ ban khuyến khích và quản lý đầu tư kèm theo các tài liệu như: bản sao sổ hộ khẩu, lý lịch trích ngang của nhà đầu tư, bản thoả thuận kinh tế công nghệ hoặc kế hoạch hoạt động kinh doanh, thông tin về kinh doanh nếu là doanh nghiệp, hợp đồng hợp tác đầu tư trong trường hợp hợp danh rồi gửi lên Uỷ ban khuyến khích đầu tư xem xét đồng thời nộp đơn xin đầu tư lên Bộ thương mại.

Kết luận chương 1

Đầu tư là một trong những yếu tố quan trọng và không thể thiếu trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế là chìa khoá của sự thành công trong quá trình phát triển nền kinh tế xã hội, đặc biệt trong công cuộc cách mạng công nghiệp hoá hiện đại hoá và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng diễn ra mạnh mẽ.

Đề thu hút hoạt động đầu tư trong nước và ngoài nước, góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước thì môi trường đầu tư phải thực sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong đó chính sách pháp luật về đầu tư sẽ thể hiện được sự thu hút hay cản trở các nhà đầu tư. Bởi vì, khi tiến hành các hoạt động đầu tư, các nhà đầu tư phải hoạt động trong một không gian và thời gian địa điểm cụ thể, mà ở đó có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt

động đầu tư, chi phối hoạt động đầu tư trong đó có một yếu tố hết sức quan trọng đó chính là pháp luật về đầu tư.

Pháp luật về đầu tư của Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển. Từ sự tách bạch điều chỉnh giữa hoạt động đầu tư trong nước với hoạt động đầu tư nước ngoài đến sự thống nhất điều chỉnh hoạt động đầu tư nói chung không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài, đã tạo sự bình đẳng cho các nhà đầu tư đặc biệt là sự yên tâm của các nhà đầu tư nước ngoài được thể hiện cụ thể trong Luật đầu tư 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành như.

Trình tự thủ tục Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư đã được qui định thống nhất áp dụng chung cho hoạt động đầu tư trong nước, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam.

Thủ tục đầu tư đã được qui định tại Chương VI Luật đầu tư 2005 với mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính trong quản lý đầu tư theo hướng mở rộng phân cấp và đơn giản hoá thủ tục, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận tiện cho nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả và thống nhất trong quản lý Nhà nước về hoạt động đầu tư.

Chương 2

THỰC TRẠNG CỦA VIỆC ĐĂNG KÝ VÀ THẨM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1 Đăng ký đầu tư

2.1.1. Chủ thể của luật đầu tư

a) Nhà đầu tư

- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật doanh nghiệp;
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật hợp tác xã;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập trước khi Luật này có hiệu lực;
- Hộ kinh doanh cá nhân, cá nhân;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;
- Các tổ chức khác theo qui định của pháp luật Việt Nam

b) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư trong phạm vi cả nước.
- Bộ kế hoạch và đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính Phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư.
- Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư đối với lĩnh vực được phân công.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn theo phân cấp của hình phủ.

2.1.2. Trình tự thủ tục đối với dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài

2.1.2.1. Quy định về điều kiện đăng ký dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài

+ Dự án đầu tư không phải làm thủ tục Đăng ký đầu tư:

Bao gồm: Là dự án đầu tư trong nước
Có qui mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam.
Không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

+ Dự án đầu tư phải làm thủ tục Đăng ký đầu tư:

Bao gồm: Dự án đầu tư trong nước có qui mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện;
Dự án Đầu tư trong nước có qui mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư;

Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có qui mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không thuộc dự án do Thủ tướng

2.1.2.2. Quy định về hồ sơ dự án đầu tư

Hồ sơ đăng ký của nhà đầu tư trong nước và ngoài nước được liệt kê tại các Bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Hồ sơ đăng ký đối với nhà đầu tư trong nước [39]

Không thành lập tổ chức kinh tế	Có thành lập tổ chức kinh tế	Số lượng
Bản đăng ký/Đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư; Hợp đồng hợp tác kinh doanh(trường hợp đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh); Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh	Ngoài các tài liệu đăng ký trong trường hợp không thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư phải bổ sung thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo qui định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan	Không qui định cụ thể như đối với trường hợp thẩm tra dự án đầu tư. Trên thực tế các cơ quan đăng ký đầu tư chấp nhận

doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức đối với nhà đầu tư là tổ chức; Văn bản ủy quyền, kèm bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện(đối với nhà đầu tư là tổ chức)		một bộ hồ sơ.
---	--	---------------

Bảng 2.2: Hồ sơ đăng ký đối với nhà đầu tư nước ngoài [39]

Không thành lập tổ chức kinh tế	Có thành lập tổ chức kinh tế	Số lượng
Bản đăng ký/Đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư; Hợp đồng hợp tác kinh doanh(trường hợp đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh); Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư(do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức đối với nhà đầu tư là tổ chức; Văn bản ủy quyền, kèm bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.	Ngoài các tài liệu đăng ký trong trường hợp không thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư phải bổ sung thêm: Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo qui định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.	Không qui định cụ thể như đối với trường hợp thẩm tra dự án đầu tư. Trên thực tế các cơ quan đăng ký đầu tư chấp nhận một bộ hồ sơ.

2.1.2.3. Quy định về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết đăng ký dự án đầu tư.

* Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nêu trên, nhà đầu tư nộp đủ hồ sơ đăng ký đầu tư theo qui định tại cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền cụ thể là:

- Sở kế hoạch và đầu tư
- Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

* Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trao giấy biên nhận ngay sau khi nhận được hồ sơ đăng ký đầu tư (đối với dự án có vốn đầu tư trong nước đăng ký đầu tư nhưng không yêu cầu cấp giấy chứng nhận đầu tư).

* Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư

2.1.3. Một số qui định riêng đối với nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

- *Đối với nhà đầu tư trong nước:* Việc đăng ký để thành lập doanh nghiệp có thể được thực hiện độc lập, tách rời với việc đăng ký dự án đầu tư và sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Khi đầu tư vào dự án cụ thể, nhà đầu tư trong nước sẽ thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đó.

- *Đối với nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt Nam:* Việc đăng ký để thành lập doanh nghiệp phải gắn liền với dự án đầu tư đã được xác định và thực hiện theo thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư, và sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư sẽ đồng thời được coi là giấy chứng nhận dự kinh doanh.

2.2. Thủ tục đầu tư đối với dự án thuộc diện phải Thẩm tra đối với dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài

2.2.1. Quy định về điều kiện thẩm tra đối với dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

Dự án đầu tư có qui mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Dự án đầu tư có qui mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu có điều kiện.

Dự án đầu tư có qui mô vốn đầu tư 300 tỷ đồng trở lên và thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

Dự án đầu tư do thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.2.2. Quy định về hồ sơ

Hồ sơ thẩm tra dự án đầu tư được liệt kê tại Bảng sau:

Bảng 2.3: Hồ sơ thẩm tra dự án đầu tư [39]

[illegible]

có điều kiện.	hoặc chứng minh thư nhân dân đối với các nhà đầu tư là cá nhân. Văn bản uỷ quyền kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện; Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm); Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, qui mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường; Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện tại Điều 29 của Luật đầu tư 2005 và lĩnh vực đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Phụ lục C của Nghị định 108/2006/NĐ-CP; Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh; (đối với trường hợp dự án đầu tư không gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế	mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo qui định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; Hợp đồng liên doanh với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.	đầu tư); 4 bộ, trong đó có 1 bộ gốc (đối với dự án do Ban quản lý khu công nghiệp cấp giấy chứng nhận đầu tư); hoặc 10 bộ trong đó có 1 bộ gốc đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ.
----------------------	---	---	--

2.2.3. Quy định về trình tự thẩm tra

* Nhà đầu tư phải nộp đủ bộ hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư (Sở kế hoạch đầu tư hoặc Ban quản lý KCN);

* Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ, ngành liên quan(đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ) hoặc gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các Sở ngành liên quan hoặc Bộ liên quan (trong trường hợp cần thiết) đối với các dự án không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

* Các cơ quan được hỏi có ý kiến thẩm tra bằng văn bản và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý của mình;

* Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Thủ tướng Chính Phủ quyết định về chủ trương đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ); lập báo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và quyết định. Riêng đối với dự án do Ban quản lý khu công nghiệp cấp giấy chứng nhận đầu tư, Ban quản lý KCN tổng hợp ý kiến các cơ quan được hỏi ý kiến để cấp giấy chứng nhận đầu tư;

* Văn phòng Chính phủ thông báo bằng văn bản ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về dự án đầu tư(đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng chính phủ);

* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban quản lý KCN cấp giấy chứng nhận đầu tư.

* Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Như vậy, theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP (khoản 2 Điều 46) đối với dự án đầu tư trong nước có qui mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nếu dự án đã đáp ứng các điều kiện đầu tư theo qui định của pháp luật thì cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư quyết định việc cấp giấy chứng nhận đầu tư theo qui trình đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước theo qui định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 108/2006/NĐ-CP.

2.2.4. Quy định Tiêu chí thẩm tra

* Đối với dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, tiêu chí thẩm tra dự án đầu tư bao gồm:

- Sự phù hợp của dự án đối với qui hoạch(qui hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật; qui hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; qui hoạch thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác). Đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực chưa có trong qui hoạch nêu trên, cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

- Nhu cầu sử dụng đất của dự án: diện tích đất, loại đất và tiến độ sử dụng đất;

- Tiến độ thực hiện dự án: tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng, tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án;

- Giải pháp về môi trường: đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường và giải pháp xử lý phù hợp với qui định của pháp luật về môi trường.

* Ngoài các tiêu chí trên, đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư phải thẩm tra đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện theo qui định của pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Theo đó cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư phải xin ý kiến thẩm tra các Bộ quản lý ngành có liên quan về các điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện hoặc lĩnh vực đầu tư có điều kiện áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài.

2.2.5. Quy định về thời hạn giải quyết

* Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ, ngành liên quan trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư.

* Cơ quan được hỏi phải có ý kiến thẩm tra bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư.

* Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Thủ tướng quyết định về chủ trương đầu tư trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ); hoặc trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư. Riêng đối với dự án do Ban quản lý khu công nghiệp cấp giấy chứng nhận đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp tổng hợp ý kiến các cơ quan được hỏi ý kiến trong thời hạn 20 ngày làm việc và cấp giấy chứng nhận đầu tư.

* Văn phòng Chính Phủ thông báo bằng văn bản ý kiến của Thủ tướng Chính Phủ về dự án đầu tư trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo Thẩm tra trình Thủ tướng Chính Phủ.

* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ban quản lý khu công nghiệp cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ.

2.3. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư

2.3.1. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc đăng ký, thẩm tra đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư sau đây thuộc địa bàn tỉnh:

* Dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, bao gồm cả dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư;

* Dự án đầu tư phát triển hạ tầng kết cấu khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đối với những địa phương chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp.

2.3.2 Ban quản lý khu công nghiệp

Ban quản lý KCN thực hiện việc đăng ký, thẩm tra đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế trong địa bàn tỉnh đó bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính Phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Ngoài ra các dự án kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao cũng thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý khu công nghiệp.

2.3.3. Các cơ quan khác tham gia vào quá trình cấp giấy chứng nhận đầu tư.

a) Thủ tướng Chính phủ:

b) Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ tài chính, Bộ Thương mại, Bộ tài nguyên và môi trường, Bộ khoa học và công nghệ, Bộ xây dựng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các Bộ quản lý ngành khác có liên quan.

2.4. Thực trạng thủ tục đăng ký và thẩm tra đối với doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

Điều kiện đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài

a) Dự án đăng ký đầu tư là dự án có qui mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam

b) Dự án thẩm tra đầu tư là dự án có qui mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên

Hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư bao gồm:

Văn bản đăng ký dự án đầu tư. Bản sao có công chứng của một số loại giấy tờ. Hợp đồng hoặc văn bản thoả thuận. Văn bản đồng ý của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng cổ đông hoặc đại hội xã viên

Trình tự thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài bao gồm: Văn bản đăng ký dự án đầu tư. Bản sao có công chứng của một số loại giấy tờ. Văn bản giải trình về dự án đầu tư. Văn bản đồng ý của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng cổ đông hoặc đại hội xã viên.

* Nhà đầu tư gửi Bộ kế hoạch và đầu tư 06 Bộ hồ sơ dự án đầu tư, trong đó có 1 bộ hồ sơ gốc.

* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ kế hoạch và đầu tư có văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ dự án đầu tư gửi các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính.

2.5. Thực trạng việc Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư trên địa bàn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Thứ nhất: Thủ tục đăng ký, thẩm tra các dự án trên địa bàn Hà nội đối với một số dự án xây dựng là quá sơ sài, không đáp ứng các điều kiện về thủ tục không tính đến hiệu quả khi thực thi dự án dẫn đến việc cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư, phê duyệt dự án và cho phép đầu tư một cách tràn lan. Phải chăng, “ *lợi ích cá nhân cao hơn lợi ích của việc phát triển kinh tế xã hội*”.

Thứ hai: Hiện nay có rất nhiều Doanh nghiệp bất động sản trên địa bàn Hà nội than phiền về thủ tục đầu tư rất khó khăn. Họ cho rằng thủ tục đầu tư rườm rà đang làm nản lòng nhà đầu tư khi phải mất 24 tháng vất vả để xin giấy phép đầu tư cho dự án của mình. Có những dự án bất động sản phải trải qua 40 đến 50 con dấu, có con dấu phải mất cả năm trời mới được đóng. Đối với nhà đầu tư trong nước còn khó khăn như vậy thì đối với nhà đầu tư ngoài không biết sẽ khó khăn đến đâu.[9]. Việc xin giấy phép khó khăn thể có liên quan đến năng lực, đạo đức của một số cán bộ nhà nước quản lý về đầu tư hiện nay cũng là một trở ngại không nhỏ trong việc giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư Bất động sản ở Việt Nam, bởi không ít các thủ tục do các địa phương qui định bằng văn bản nhưng cũng có những loại thủ tục do chính cán bộ công chức đặt ra.

Chương 3

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ THẨM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ HIỆN NAY

3.1. Kinh nghiệm hoàn thiện pháp luật đầu tư của Việt Nam.

3.1.1 Thống nhất điều chỉnh các hoạt động đầu tư trong nước và nước ngoài

Luật đầu tư 2005 ra đời thay thế cho luật đầu tư nước ngoài Việt Nam và Luật khuyến khích đầu tư trong nước với ý nghĩa đặc biệt quan trọng là từ thời điểm Luật này có hiệu lực, Việt Nam đã thống nhất điều chỉnh các quan hệ đầu tư. Về cơ bản, các quyền, nghĩa vụ chủ yếu của các nhà đầu tư đều giống nhau khi họ tiến hành các hoạt động đầu tư ở Việt nam.

3.1.2. Xây dựng hệ thống các qui phạm pháp luật về đầu tư hoàn thiện

Luật đầu tư không phân biệt giữa các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài mà còn không phân biệt đầu tư trực tiếp hay đầu tư gián tiếp, có yếu tố nhà nước hay không, đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam hay ngoài lãnh thổ Việt Nam

3.2 Giải pháp thực hiện việc Đăng ký và Thẩm tra dự án đầu tư theo Luật đầu tư hiện nay.

3.2.1. Qui định về điều kiện đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thống nhất qui định các điều kiện đăng ký thẩm tra các dự án đầu tư nói chung vào một văn bản chung.

- Bỏ các qui định về lĩnh vực đầu tư có điều kiện trong Luật đầu tư 2005 (Điều 29), thực hiện theo các điều kiện đầu tư qui định tại pháp luật chuyên ngành hoặc cam kết quốc tế.

- Ban hành kịp thời một số văn bản hướng dẫn thi hành những bất cập trong Luật đầu tư 2005 hoặc thông tư hướng dẫn Nghị định 108/2006/NĐ-CP)

- Quy định rõ hơn về thủ tục đầu tư theo hình thức sáp nhập và mua lại doanh nghiệp.

- Đảm bảo tính thống nhất, tránh xung đột, giữa Luật đầu tư và Luật liên quan về lĩnh vực địa bàn ưu đãi đầu tư.

- Khẩn trương ban hành một Luật để khắc phục nhược điểm, vướng mắc chồng chéo giữa các Luật liên quan đến hoạt động đầu tư (Luật đất đai, Luật doanh nghiệp, Luật môi trường.)

- Đảm bảo tính thống nhất của các văn bản điều chỉnh liên quan đến hoạt động đầu tư nói chung và thủ tục đăng ký và thẩm tra nói riêng.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp quản lý, qui định rõ trách nhiệm của người có thẩm quyền ký, phê duyệt các dự án đầu tư.

- Quy định các điều kiện đáp ứng về năng lực và chuyên môn của các cán bộ nhà nước về quản lý đầu tư đối với lĩnh vực đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư.

- Các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất được cấp giấy chứng nhận - đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng đó không phải là cơ quan đăng ký kinh doanh vì thế nên có một cơ quan đăng ký kinh doanh ở đó. Cần qui định bổ sung hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh tại tất cả các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Vấn đề giám sát hậu kiểm dự án dưới 15 tỷ đồng.

- Dự án thuộc diện thẩm tra cũng phải qui định rõ là phải lấy ý kiến của sở ngành nào, thời gian cơ quan được hỏi ý kiến phải trả lời là bao nhiêu ngày.

- Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải công khai hoá các qui hoạch đã được phê duyệt để trên cơ sở đó các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có thể biết được chủ trương, chính sách, qui hoạch của Nhà nước để có định hướng đầu tư phù hợp

3.2.2. Các qui định về đầu tư ra nước ngoài

- * Tăng cường biện pháp chế tài về thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ của các doanh nghiệp để có cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư ra nước ngoài, dự án đầu tư trong nước, dự án đầu tư nước ngoài.

- * Cơ quan quản lý Nhà nước mà Bộ kế hoạch và đầu tư chủ trì sẽ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thu thập thông tin có thể hàng năm biên soạn bằng tiếng Việt để cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp đang có ý định đầu tư ra nước ngoài.

- * Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại các nền kinh tế cung cấp cho các doanh nghiệp đang và sẽ hoạt động tại nước sở tại cũng như cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

3.2.3 Các giải pháp khác

- * Chuyên môn hoá cơ quan lập pháp.
- * Nghiên cứu xoá bỏ những thủ tục vô lý cho các nhà đầu tư.
- * Thúc đẩy vấn đề xúc tiến thương mại bằng cách thành lập rộng rãi các cơ quan xúc tiến đầu tư thương mại tại các tỉnh thành trong cả nước.
- * Chính sách thu hút đầu tư phải đồng bộ thống nhất và minh bạch giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.
- * Hỗ trợ các địa phương có liên quan đến đầu tư, tập huấn cán bộ..
- * Hoàn thiện cơ chế liên thông một cửa, cấp, giám sát.
- * Coi việc cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp các loại giấy phép hoạt động là những hoạt động độc lập với việc đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp.

Kết luận

Đầu tư là một trong những nhân tố làm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước, trong đó việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài rất quan trọng. Việc thu hút các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đòi hỏi chúng ta phải có một môi trường đầu tư thực sự hấp dẫn mà một trong những yếu tố giữ vai trò rất quan trọng trong môi trường đầu tư đó chính là chính sách pháp luật nói chung và thủ tục đầu tư nói riêng. Vì quá trình đầu tư có liên quan đến rất nhiều các hoạt động của các tổ chức cá nhân và được tiến hành trong một khoảng thời gian dài nên các nhà đầu tư rất cần môi trường pháp lý vững chắc, có hiệu lực, môi trường này bao gồm một hệ thống đầy đủ các chính sách, qui định cần thiết, đảm bảo sự nhất quán không mâu thuẫn chồng chéo với nhau bởi các qui định thường là các thủ tục hành chính (đăng ký đầu tư, xin giấy phép đầu tư, giải quyết các khiếu kiện và các vấn đề khác trong cuộc sống của nhà đầu tư đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài).

Việc qui định các chính sách không thống nhất trong thủ tục đầu tư dẫn đến nhà đầu tư không biết phải thực hiện theo qui định nào là đúng nên dễ đẩy nhà đầu tư lâm vào tình trạng vi phạm pháp luật mà không biết. Hơn nữa, việc ban hành quá nhiều các qui định đối với các nhà đầu tư nước ngoài thường dẫn đến tình trạng cửa quyền sách nhiễu của các cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài điều đó cũng sẽ làm nản lòng các nhà đầu tư khi muốn đầu tư lâu dài ở Việt Nam. Mặt khác, đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do làm ăn ở nơi xa lạ, không có người thân thích, với lượng tài sản lớn nên các nhà đầu tư nước ngoài phải dựa vào pháp luật đầu tư của Việt Nam để đảm bảo quyền lợi cho mình. Vì thế nếu việc thực hiện pháp luật không nghiêm, thiếu đồng bộ và hiệu lực thấp thì quyền lợi của nhà đầu tư sẽ bị đe dọa. Nếu vậy, các nhà đầu tư nước ngoài rất lo sợ đầu tư vào nơi có môi trường pháp lý rủi ro này.

So với môi trường pháp lý của các nước ASEAN, Việt Nam được xếp hạng là một trong bốn nước kém nhất. Mặc dù Việt Nam không ngừng cải thiện môi trường chính sách pháp luật về đầu tư, được minh chứng qua những

lần sửa đổi bổ sung luật đầu tư nước ngoài và Luật khuyến khích đầu tư trong nước và hiện nay đã áp dụng một luật đầu tư 2005 thống nhất chung cho cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài nhưng hiệu quả vẫn còn thấp vì vẫn còn tồn tại nhiều chính sách chồng chéo, thiếu đồng bộ, các qui định về thủ tục đăng ký và thẩm tra còn nhiều rườm rà và tính hiệu lực thực hiện còn thấp. Vì vậy, trong điều kiện phát triển kinh tế đất nước hiện nay, cùng với xu hướng hội nhập nền kinh tế, pháp luật về đầu tư phải được hoàn thiện hơn nữa cả về nội dung và hình thức, huỷ bỏ những thủ tục đầu tư vô lý không cần thiết cho các nhà đầu tư, giảm bớt một số giấy phép con đồng thời phải công khai, minh bạch, thống nhất các thủ tục đầu tư.... Có như vậy mới hấp dẫn các nhà đầu tư, mới thu hút được nguồn vốn đầu tư để góp phần đẩy mạnh nền kinh tế nâng cao đời sống cho người dân.